

Tập 9

Xin mở kinh bốn, trang bốn mươi tám, dòng thứ hai. Đây là dựa theo Đại Trí Độ Luận để giải thích Nhất Tâm Tam Quán:

“Nhất Tâm Tam Quán giả, thử xuất Thích Luận. Luận vân, Tam Trí thật tại nhất tâm trung đắc. Chỉ nhất quán nhi tam quán, quán u Nhất Đế nhi Tam Đế. Cố danh Nhất Tâm Tam Quán, loại như nhất tâm, nhi hữu sanh, trụ, diệt, như thử tam tướng, tại nhất tâm trung. Thử quán thành thời, chứng nhất tâm tam trí, diệt danh Nhất Thiết Chứng Trí, tịch diệt tướng, chủng chủng hành, loại, tướng mạo, giai tri dã. Tịch diệt tướng giả, thị song vong chi lực. Chủng chủng hành loại tướng mạo giai tri giả, song chiếu chi lực dã” (Nhất Tâm Tam Quán xuất phát từ Thích Luận. Luận dạy: “Thật ra, Tam Trí do từ nhất tâm mà đắc. Chỉ là một phép Quán mà thành Tam Quán, quán nơi một Đế mà trọn Tam Đế. Vì vậy, gọi là Nhất Tâm Tam Quán”. Giống như nhất tâm mà có ba tướng là sanh, trụ, diệt như thế trong nhất tâm. Khi phép Quán này thành, sẽ chứng nhất tâm tam trí, còn gọi là Nhất Thiết Chứng Trí, tướng tịch diệt, các thứ hạnh loại, tướng mạo đều biết. Tướng tịch diệt là do sức song vong. Các thứ hành loại, tướng mạo đều biết là do sức của song chiếu vậy). Đoạn văn này do Long Thọ Bồ Tát giảng trong Đại Trí Độ Luận. Nhất Tâm Tam Quán là pháp môn cũng như phương pháp tu học thù thắng nhất; nhưng trước hết, phải biết Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh thì mới có thể khởi lên Nhất Tâm Tam Quán. Trong đoạn này, cuối cùng đã nói rất rõ ràng, cũng là nhằm giải thích vì sao người ấy có thể thành tựu ba trí. [Ba trí] là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Nói cách khác, trí huệ Bát Nhã trong bản tánh đã thấu lộ viên mãn. Vì tâm pháp và sắc pháp, nay chúng ta gọi là tinh thần và vật chất, cho đến toàn thể hư không pháp giới, đều từ nhất tâm biến hiện. Đó là sự thật, mà cũng là căn cứ lý luận của Nhất Tâm Tam Quán. Nói thật ra, tâm chỉ là một, há có tam tâm, nhị ý? Tam tâm, nhị ý là hư vọng. Cớ sao biến thành hư vọng? Do có phân biệt, chấp trước. Hễ khởi lên phân biệt, chấp trước, sẽ biến thành vô lượng vô biên. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, tâm ấy là nhất tâm. Nhất tâm trọn đủ hết thấy các pháp; Tam Đế và Tam Quán là hết thấy các pháp được cô đọng lại.

Tam Quán (Không Quán, Giả Quán, Trung Quán) là Năng Quán (chủ thể thực hiện sự quán tưởng), Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế và Đế Nhất Nghĩa Đế) là Sở Quán (đối tượng được quán), Năng và Sở là một, không hai. Nói đơn giản, tâm Năng Quán là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tướng tịch diệt, có tác dụng Chiếu Kiến. Đoạn văn này đã giảng ý nghĩa ấy rất viên mãn, nói rất hay, nhưng kinh văn rất ngắn. *“Tịch diệt tướng giả, thị song vong chi lực”* (Tướng tịch diệt là do sức của song vong), “vong” (亡) là lìa khỏi, mà cũng là *“chân tâm lý thể chẳng lập một pháp”*. Lục Tổ nói *“vốn chẳng có một vật”*, đó là chân tâm. Chân tâm là nhất tâm. Hễ có một vật, sẽ chẳng phải là chân tâm, mà biến thành vọng tâm. Vì vậy, trong chân tâm chẳng thể có mảy may vật gì trong ấy. Chân, giả, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác đều là Nhị. Nay chúng ta nói “song” (雙) là tương đối. Nếu triệt để lìa khỏi [tương đối] thì sau đó, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế

gian không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Điều này được diễn tả là “*chúng chúng hành, loại, tướng mạo giai tri*” (các thứ hành, loại, tướng mạo¹ đều biết). Vì sao đều biết? Do tâm thanh tịnh khởi tác dụng giác chiếu, đó là Chiếu Kiến. Điều này nhằm phân biệt rõ: Chẳng phải là tình kiến, mà là Chiếu Kiến.

Thật ra, Nhất Tâm Tam Quán là pháp tu của bậc thượng thượng căn, kẻ bình phàm chẳng có cách nào tu tập pháp này được. Kẻ bình phàm chỉ đành nương theo Thứ Đệ Tam Quán để tu tập; [Nhất Tâm Tam Quán] dành cho bậc thượng thượng căn. Trong pháp môn Tịnh Tông, Đại Kinh dạy “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”; thừa cùng quý vị, “*một mực xưng niệm*” là Nhất Tâm Tam Quán. Vì sao? Vì cái tâm năng niệm là Thi Giác, Phật hiệu được niệm là Bản Giác; Thi Giác và Bản Giác đều trọn đủ viên mãn Tam Đế và Tam Quán, những kẻ niệm Phật bình phàm như chúng ta chẳng biết chuyện này! Vì lẽ đó, không riêng gì các vị tổ sư đại đức từ xưa đã tán thán Trì Danh niệm Phật, mà chư Phật, Bồ Tát cũng đều tán thán. Ai cũng đều có thể tu, nhưng chẳng biết pháp được tu ấy chính là pháp môn viên mãn rốt ráo. Dầu hoàn toàn chẳng thông đạt giáo lý, chỉ cần có thể thật thà niệm Phật, niệm đến lúc kha khá sẽ đắc Định. Niệm đến khi phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành, sẽ thành tựu Niệm Phật tam-muội; bất tri bất giác tự nhiên thành tựu tam-muội, chẳng cần quyết ý tu tập. Đó gọi là “*nước chảy thành khe suối*”, tự nhiên thành tựu. Sau khi thành tựu tam-muội, vẫn tiếp tục niệm, niệm đến một mức độ kha khá, sẽ hoát nhiên khai ngộ, giống như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: “*Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Chẳng nhờ vào phương tiện mà tâm được mở mang). Tâm khai bèn kiến tánh, Nhất Tâm Tam Quán liền đạt được, liền viên mãn. Vì vậy, pháp môn này đúng là chẳng thể nghĩ bàn, vượt trội hết thảy các pháp môn. Tu tập dễ, thành công cao! Nói thông thường, Nhất Tâm Tam Quán là sự chứng đắc viên đốn của Bồ Tát và Phật, nào ngờ lũ phàm phu chúng ta cũng có thể tu pháp môn viên mãn, rốt ráo dường ấy. Vì lẽ đó, sau khi chư vị đọc bộ kinh này, biết chân tướng sự thật này, chúng ta mới chịu khăng khăng một mực thật thà niệm Phật. Đối với người tu Tịnh Độ chúng ta, bản kinh này có công hiển lớn nhất, dạy chúng ta hãy khăng khăng thật thà niệm Phật.

Chúng ta lại lật qua xem trang năm mươi, dòng thứ ba đếm từ dưới lên: “*Thử Quán vi diệu, tức nhất nhi tam, tức tam nhi nhất. Nhất quán, nhất thiết quán. Nhất thiết quán, nhất quán. Phi nhất, phi nhất thiết. Như thử chi quán, nhiếp nhất thiết quán dã*” (Phép Quán này vi diệu, một chính là ba, tuy ba mà một. Quán một là quán hết thảy, quán hết thảy chính là quán một. Chẳng phải là một, chẳng phải là hết thảy. Phép Quán như thế gồm trọn hết thảy các phép Quán). Nói thật ra, câu này đã nói theo kinh Hoa Nghiêm, “*một chính là hết thảy, hết thảy chính là một, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một*”, có ý nghĩa ấy. Vì lẽ đó, cổ đức xưng tụng một câu Di Đà là “*vạn đức hồng danh*”. Vạn là hết

¹ “Hành, loại, tướng mạo” là cách phân chia chúng sanh trên hai phương diện tâm thức và sắc thân theo cách diễn giảng trong Đại Trí Độ Luận. Hành là ý hành (có thể hiểu thô thiển là tâm tư, ý tưởng, quan niệm, yêu ghét, ý niệm... của chúng sanh). Loại là chủng loại, “tướng mạo” là hình dáng.

thầy, là vô lượng, bốn chữ A Di Đà Phật là một. Trong một có vô lượng, vô lượng là một, toàn bộ đều kết quy vào danh hiệu. Nếu xét theo ý nghĩa rõ rệt của kinh này thì “*một*” là nói đến Nhất Tâm Tam Quán, “*hết thầy*” là mười sáu phép Quán được giảng trong kinh này. Mỗi phép Quán trọn đủ mười sáu phép Quán, mười sáu phép Quán có thể dung nhiếp trong một phép Quán. Bất cứ phép Quán nào trong mười sáu phép Quán đều trọn đủ mười sáu phép Quán kia, chẳng có điều nào là ngoại lệ! Trong mười sáu phép Quán, thực hiện dễ dàng nhất là phép Quán thứ mười sáu dạy về Trì Danh niệm Phật, nói chung, chúng ta [tu tập trì danh niệm Phật] chẳng gặp vấn đề gì! Mỗi phép Quán đều nhiếp trọn vẹn mười sáu phép Quán kia. Vì vậy, quý vị quán Vô Lượng Thọ Phật thì cũng nhiếp mười sáu phép Quán kia. Quý vị quán Nhật Quán, quán Thủy Quán, cũng nhiếp mười sáu phép Quán kia, nhưng các phương pháp Quán ấy rất khó thành tựu, vì cảnh vi tế, tâm chúng ta thô lậu, quán chẳng thành tựu. Đối với phương pháp Trì Danh này, tâm thô cũng chẳng sao cả, vẫn có thể dụng công, vẫn có thể đắc lực, vẫn đầy đủ mười sáu phép Quán kia y hệt. Đó gọi là “*một tu, hết thầy tu; hết thầy tu, một tu*”.

Chúng ta đã hiểu rõ ràng đạo lý này, chẳng còn nghi hoặc. Vì thế, [trong pháp môn] niệm Phật thường nói: “*Chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp*”. Đối với chuyện chẳng hoài nghi thì do chẳng hiểu rõ bèn có hoài nghi. Tự nói “*chẳng hoài nghi*”, nhưng nói thật ra, chính mình thật sự hoài nghi, chưa hiểu rõ ràng. Nếu thật sự chẳng hoài nghi, bản thân người ấy nhất định sẽ khẳng khái một mực tu tập, hành trì. Nếu chính kẻ ấy vẫn chẳng chịu hành, có thể thấy là kẻ ấy vẫn chưa hiểu rõ, chắc chắn là hoài nghi! Đối với chuyện này, học theo cách nói ngoài miệng của kẻ khác dễ dàng, nhưng nếu muốn lý giải nghĩa chân thật trong ngôn ngữ sẽ chẳng dễ! Kinh điển toàn là lời lẽ của Phật, chúng ta niệm niệm học hiểu những lời lẽ ấy, nhưng trong bài kệ Khai Kinh có câu “*nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa*”, mấy ai biết nghĩa chân thật ấy? Khó lắm! Ý nghĩa của tôi quý vị chẳng biết, ý nghĩa của quý vị tôi chẳng biết, làm sao biết ý nghĩa chân thật của Như Lai? Nhưng kinh dạy chúng ta nguyên tắc sau đây, [nương theo nguyên tắc ấy], chúng ta có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, mà cũng biết tâm ý của hết thầy chúng sanh. Chỉ cần tâm quý vị thanh tịnh thì sẽ biết. Vì hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều sanh từ tâm thanh tịnh. Tâm sanh thì mọi pháp sanh. Nếu quý vị tìm được chân tâm, chân tâm khởi tác dụng, tận hư không khắp pháp giới quý vị đều biết. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ nói người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều có năng lực sau đây: Hết thầy chúng sanh trong mười phương thế giới trong tâm nghĩ tưởng điều gì họ đều biết. Phàm phu chúng ta thấy [năng lực ấy] là thần thông, thần thông ấy do đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh mà có. Vì thế, chư vị đồng tu phải biết: Toàn thể cương lãnh và nguyên tắc tu hành được giảng trong Phật pháp là tâm thanh tịnh; không đồ công độc sức nơi đó thì trật mất rồi!

Tiếp theo đó là giải thích chữ Vô Lượng Thọ. Đây là đoạn chủ yếu nhất trong đề mục bộ kinh này, [hãy xem] trang năm mươi một, dòng thứ năm từ dưới đếm lên. “*Tứ thích Vô Lượng Thọ, chánh thị Tam Quán sở quán cảnh dã. Tiên*

minh Tam Quán, thả dĩ Tam Đức, Tam Nhân, nhi vị để cảnh. Cái thị sở quán dung tức, dụng hiển năng quán tuyệt diệu. Tu tri tánh trung Tam Đức, Thể thị chư Phật tam thân, tức thử Tam Đức tam thân, vi ngã Nhất Tâm Tam Quán, diệc khả Di Đà tam thân, dĩ vi Pháp Thân, ngã chi Tam Quán, dĩ vi Bát Nhã. Quán thành kiến Phật, tức thị Giải Thoát” (Bốn là giải thích từ ngữ Vô Lượng Thọ, đó chính là cảnh được quán bởi Tam Quán. Tam Quán như đã được nói trong phần trước, lại còn lấy Tam Đức và Tam Nhân làm cảnh để quán chắc thật. Ấy là vì cảnh được quán dung thông, chính là lẫn nhau, dùng điều đó để hiển thị sự tuyệt diệu của Năng Quán. Cần phải biết Thể của Tam Đức trong Tánh là ba thân của chư Phật, dùng ngay Tam Đức và Tam Thân làm Nhất Tâm Tam Quán của ta. Cũng có thể lấy ba thân của Phật Di Đà làm Pháp Thân, lấy Tam Quán của ta làm Bát Nhã. Quán thành tựu sẽ thấy Phật, đó chính là Giải Thoát). Chúng ta chỉ xem đoạn này. Phần trước đã nói nhiều như vậy, nhằm giảng rõ Năng Quán và Sở Quán là gì. Phải hiểu rõ ý nghĩa của Năng Quán và Sở Quán, cảnh giới vô cùng nhiều, chúng ta quán cảnh giới nào là tốt nhất? Trong mười sáu phép Quán, A Di Đà Phật là chủ, nói A Di Đà Phật thì y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương đều được bao gồm. Vì thế, tựa đề kinh này đã lấy phép trọng yếu nhất trong mười sáu phép Quán là [quán tưởng] Vô Lượng Thọ Phật. Ngài chẳng nói Phật Thuyết Quán Nhật Quán Kinh, quý vị nói như vậy cũng được; mà Phật Thuyết Quán Thủy Quán Kinh hoặc trong mười sáu phép Quán tùy tiện chọn lấy một phép Quán nào [để đặt tên kinh] cũng đều được! Ngài chẳng dùng mười lăm tên gọi kia, mà lấy phép Quán thứ chín, phép Quán thứ chín là quán Vô Lượng Thọ Phật, nên tựa đề kinh là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Chư vị phải biết: Mười sáu phép Quán tùy tiện chọn lấy một pháp nào [để tu tập] đều được; tuy vậy, trong mười sáu phép ấy, A Di Đà Phật là chủ, là trọng yếu nhất. Thế nhưng chư vị phải hiểu: Trong mười sáu phép Quán, quán A Di Đà Phật khó nhất, chẳng dễ dàng nhất. Vì thế, đề mục kinh nêu ra điều này, trên thực tế là để khuyên chúng ta trì danh, niệm danh hiệu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là Vô Lượng Thọ Phật. Niệm danh hiệu Ngài, chẳng cần phải tưởng tượng hảo và quang minh của Ngài. Chúng ta chẳng thể tưởng tượng hảo và quang minh của Ngài được, tưởng thế nào cũng tưởng chẳng ra. Ý nghĩa là ở chỗ này!

Điều quan trọng trong câu này là “*Di Đà tam thân*”, tức là Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Thân của A Di Đà Phật. Nói thật ra, ba thân là một thân, một mà ba, tuy ba mà một, nên mới nói “*dĩ vi Pháp Thân*” (dùng làm Pháp Thân), tức là Pháp Thân Lý Thể của chính chúng ta. Nay đối với Tam Quán, chúng tôi vừa thừa cùng quý vị: Cái tâm Năng Niệm trong niệm Phật là Nhất Tâm Tam Quán, đức Phật được niệm là Nhất Tâm Tam Đức. Tam Quán của chúng ta là Bát Nhã, những điều được nói ở đây đều tương ứng với lời dạy của cổ đức. Cổ nhân nói: Tâm năng niệm là Thi Giác, đức Phật được niệm là Bản Giác. Thi Giác và Bản Giác đều là Bát Nhã. “*Quán thành kiến Phật*” (Quán thành tựu sẽ thấy Phật): Công phu thành tựu sẽ đạt được Giải Thoát, Giải Thoát là tự tại, trong tự tại bao gồm cả thần thông. Mắt chúng ta chẳng thể thấy khắp pháp giới, tai ở nơi đây chẳng thể nghe thấu âm thanh thuyết pháp của Tây Phương Cực Lạc thế giới A

Di Đà Phật thì chưa thể coi là giải thoát. Lục Thông trọn đủ mới là tự tại. Trong tâm quý vị khởi tâm động niệm, tôi đều biết, đó là Giải Thoát. Nói cách khác, bản năng (năng lực sẵn có) trong tự tánh hoàn toàn khôi phục; đó là Giải Thoát.

Tiếp đó, lời Sớ giải thích [danh hiệu] Vô Lượng Thọ nơi hàng thứ hai trong trang năm mươi hai. Vô Lượng Thọ là gì? “*Vô Lượng Thọ giả, Thiên Trúc xưng A Di Đà*” (Vô Lượng Thọ được người Thiên Trúc gọi là A Di Đà). Thiên Trúc (Sindhu) là nói tới người Ấn Độ. Tiếng Phạn là A Di Đà, dịch sang tiếng Hán thành Vô Lượng Thọ. Nếu thật sự chiếu theo tiếng Phạn để dịch, thì A là Vô, có nghĩa là không có, Di Đà là Lượng. A Di Đà có ý nghĩa thật sự là Vô Lượng. Trong Vô Lượng, bao hàm ý nghĩa vô cùng sâu rộng, chỉ nêu đơn giản mấy thí dụ để nói: Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng phước báo, vô lượng thọ mạng, thứ gì cũng đều là vô lượng, đúng là vô lượng vô biên. Trong hết thảy các thứ vô lượng, điều gì quan trọng nhất? Thọ mạng quan trọng nhất. Nếu chẳng có thọ mạng, tất cả những thứ vô lượng khác đều rỗng tuếch! Ví dụ như nói quý vị có vô lượng của cải, báu vật, nhưng chẳng có thọ mạng, tiền tài, báu vật để cho người khác dùng, bản thân quý vị chẳng sử dụng được! Vì lẽ đó, trong hết thảy các thứ vô lượng, khẩn yếu nhất là vô lượng thọ. Do có vô lượng thọ, chính mình mới có thể thật sự hưởng thụ hết thảy các thứ vô lượng. Chẳng có vô lượng thọ, những thứ vô lượng khác hoàn toàn vô ích, đều chẳng phải là vô lượng thật sự! Vì thế, A Di Đà được dịch thành ý nghĩa chủ yếu là Vô Lượng Thọ. [Danh hiệu] A Di Đà tuyệt đối chẳng phải là chỉ có một ý nghĩa là Vô Lượng Thọ, chư vị phải biết: Ý nghĩa của danh hiệu ấy chẳng thể nói trọn hết, trọn hết kiếp vẫn nói chẳng tận.

Tiếp theo đó, nêu ra chân tướng: “*Phật bốn vô thân, vô thọ, diệt vô lượng*” (Phật vốn chẳng có thân, chẳng có thọ mạng, mà cũng chẳng có số lượng). Thân thể, thọ mạng, số lượng thảy đều chẳng nói được. Trước hết, phải hiểu Phật là gì? Nay chúng ta vừa thấy chữ Phật đã nghĩ đến một người; người thì lẽ nào chẳng có thân thể? Chẳng có thân thể, làm sao có thể gọi là người? Chư vị phải biết: Phật có nghĩa là Giác. Giác tánh chẳng có thân thể, mà cũng chẳng có thọ mạng, cũng chẳng thuộc vào phạm vi số lượng. Giác tánh là gì? Giác tánh là bản tánh của chính chúng ta, được gọi là Chân Như bản tánh; [trong Chân Như bản tánh], những thứ ấy (thân thể, thọ mạng, số lượng) đều chẳng có. Chân Như bản tánh to cỡ nào? Chẳng có cách nào nghĩ bàn! Tận hư không khắp pháp giới đều do Chân Như bản thể biến hiện. Bản tánh là cái có thể biến (năng biến), hư không pháp giới là cái được biến (sở biến). Nếu quý vị hỏi nó lấy gì làm thân ư? Chỉ là chẳng có thân thì nó mới có thể biến ra hư không pháp giới; nếu có thân, làm sao nó biến được? Nó bất sanh bất diệt; do bất sanh bất diệt, nên chẳng có thọ mạng. Không gì lớn mà ở ngoài nó, không gì nhỏ mà ở trong nó, tuyệt đối chẳng rơi vào số lượng!

Lũ phàm phu chúng ta rất đáng thương. Là phàm phu thì quý vị tìm một thầy bói cao minh, ông ta có thể đoán vận mạng cả đời quý vị chẳng trật tí nào! Vận mạng cá nhân, vận mạng gia đình, vận mạng quốc gia, vận mạng thế giới đều có thể tiên đoán rất chuẩn xác. Vì sao? Rơi vào số lượng, nên mới có thể tính

toán. Vì sao có số lượng? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước; hễ có phân biệt, chấp trước, bèn rớt trong số lượng. Ngày nào quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hết thấy các pháp, sẽ vượt khỏi số lượng, ai đoán mạng cho quý vị cũng chẳng chuẩn xác. Vì sao? Đã vượt thoát! “Vượt thoát” là trong hết thấy các pháp chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn vượt thoát. Hễ tâm vừa động niệm thì còn có số lượng, không động niệm thì chẳng có số lượng. Vì vậy, chân tâm ly niệm, [tức là] trong chân tâm chẳng có niệm, nên nó chẳng có thân, chẳng có tuổi thọ, mà cũng chẳng có hạn lượng. Tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một. Lời lẽ này nói ra đúng là rất khó hiểu, đó là chân tướng, là sự thật, là Thật Tướng của các pháp. Chân tướng của hết thấy các pháp là như thế.

Vì rất khó thấu hiểu, chẳng phải là kiến thức thông thường đối với lũ bình phàm chúng ta. Chúng ta không chỉ chẳng thấy, mà còn chưa nghe nói tới, ngay cả mơ thì cũng chưa mộng thấy, nên chư Phật, Bồ Tát thường dùng tỷ dụ, khiến cho chúng ta từ tỷ dụ mà thấu hiểu. Tỷ dụ thường được dùng là “*mộng, huyền, bọt, bóng*”. Ví như nằm mộng thì mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng. Mộng do đâu mà có? Chẳng thể nói mộng không có, nó xác thực là có, có chuyện ấy. Mộng là thật ư? Chúng ta biết mộng chẳng thật! Nếu mộng đã là chẳng thật, còn có những người nằm mộng, đến ngày hôm sau, hoặc ngày hôm sau nữa đến tìm tôi, hỏi: “Giác mộng ấy rốt cuộc có ý nghĩa gì?” Mộng chẳng phải là thật, há còn có ý nghĩa gì? Ngay cả giấc mộng hư vọng mà còn chấp trước, còn muốn coi nó là thật, đó là nguyên cớ gây nên mê hoặc vậy! Mộng do tâm biến hiện, trong Phật pháp thường nói: “*Chân Như bất thủ tự tánh*” (Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh). Tự tánh là thanh tịnh, chẳng thanh tịnh bèn bị động. Tâm đã động, tức là chân tâm hễ động liền hiện hư không pháp giới. Quý vị đêm ngủ không yên, vọng tâm dấy động, bèn nằm mộng, nên người có công phu định lực chẳng nằm mộng. Người có công phu định lực lúc ngủ tâm vẫn thanh tịnh, tâm người ấy chẳng động sẽ chẳng nằm mộng!

Khi Phật Giáo chưa truyền đến Trung Quốc, cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Trí nhân vô mộng*” (Người trí chẳng nằm mộng). Người trí tâm địa thanh tịnh, tâm địa chân thành, chẳng có chút hư giả, hạng người ấy rất ít mộng, không dễ gì nằm mộng. Nằm mộng nhiều là do suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, người ấy cũng rất dễ nằm mộng. Lại còn mộng thấy những giấc mơ lộn xộn, do suy nghĩ loạn xạ đó mà! Từ chỗ này, chứng tỏ: Cái tâm của quý vị, chúng tôi không nói đến chân tâm, mà nói tới vọng tâm. Quý vị thấy vừa mở đầu kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật gọi tôn giả A Nan hỏi tâm tôn giả ở chỗ nào? Trọn chẳng hỏi Ngài là chân tâm hay vọng tâm. Bất luận chân tâm hay vọng tâm, tâm ở nơi đâu? Nay chúng ta đang nói đến vọng tâm, chúng ta thường nói vọng tâm là thức thứ sáu, tức ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám, những thức ấy ở đâu? Đến đêm nằm mộng, chúng sẽ hiện hiện. Vì sao? Vọng tâm hiện tướng. Nếu nó chẳng hiện tướng, chúng ta chẳng tìm thấy nó, chẳng biết nó ở chỗ nào! Nó vừa hiện tướng, chúng ta liền nắm bắt nó, cảnh trong mộng chính là [hiện tướng của nó]. Giả sử cái tâm có thể nằm mộng là chân tâm thì mộng cảnh được biến hiện [bởi cái tâm ấy] là vọng tướng. Toàn thể chân chính là vọng, chân tâm của

quý vị liền biến thành vọng cảnh. Toàn bộ vọng chính là chân, toàn thể mộng cảnh là vọng tâm của quý vị.

Nếu trong cảnh giới đó, chúng ta hỏi: Ai là chính mình? Nằm mộng nhất định có chính mình! Có ai nằm mộng mà chẳng có chính mình trong mộng? Có ai trong quý vị [nằm mơ mà thấy] trong mộng chẳng có chính mình? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Nhất định là có chính mình, còn có người khác, còn có núi, sông, đại địa, còn có nhiều thứ nữa! Nếu quý vị thật sự hiểu rõ những thứ ấy đều do tự tánh biến hiện, trong mộng có thứ gì chẳng phải là chính mình? Nguyên lai, thứ gì cũng đều chính mình. Từ những sự tướng nông cạn, gần gũi này mà thấu hiểu sâu xa hơn, toàn thể hư không pháp giới hiện thời từ đâu mà có? Do Chân Như tự tánh chẳng giữ lấy tự tánh mà biến hiện ra. Hư không pháp giới, núi, sông, đại địa, chúng sanh đông đảo, toàn là tự tánh của chính mình. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, tự tánh của chúng ta ở chỗ nào? Quý vị mắt thấy, tai nghe, thân thể tiếp xúc đều là tự tánh. Ngày nào quý vị thật sự khẳng định hết thấy cảnh giới hoàn toàn là chính mình, bèn chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Nếu quý vị nói đó chẳng phải là ta, kẻ khác và ta chẳng có liên can gì! Đó là mê mất tự tánh.

Đức Phật giảng rất rõ ràng, chúng ta hiểu rõ, có phải là thật sự hiểu rõ hay không? Vẫn mê hoặc, điên đảo. Vì sao? Ta chẳng phải là kẻ khác, kẻ khác vẫn chẳng phải là ta, chẳng có cách nào phá vỡ vọng tưởng chấp trước kiên cố ấy. Nếu phá vỡ vọng tưởng, chấp trước ấy, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Khi nào sẽ phá vỡ vọng tưởng kiên cố ấy? Mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Chỉ cần quý vị phá vỡ, khẳng định hư không pháp giới do một mình ta biến hiện, quý vị chứng đắc quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Khi ấy, tâm địa quý vị thanh tịnh, bình đẳng, lòng từ bi được kiến lập trên tâm thanh tịnh, bình đẳng, đại từ đại bi. Quý vị đối đãi Phật, đối đãi hết thấy chúng sanh, quyết định chẳng có cách nhìn nào khác, chúng sanh và Phật bình đẳng. Cung kính bình đẳng, tán thán thanh tịnh, lúc đó, quý vị đang tu hành mười đại nguyện vương của Phổ Hiền. Mười đại nguyện vương, người bình phàm chẳng làm được; trong Tịnh Độ, sau khi đã đắc Lý nhất tâm bất loạn thì mới có thể tu. Nói thông thường, hạng người ấy chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tu hành khi đó chính là Phổ Hiền Hạnh. Chưa đạt đến cảnh giới ấy, chẳng có cách nào tu hạnh Phổ Hiền. Vì tâm của ngài Phổ Hiền là thanh tịnh, bình đẳng, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, bất bình đẳng, chẳng biết hết thấy vạn pháp là chính mình. Trong [nội tâm] của quý vị có chướng ngại, có giới hạn, sẽ chẳng phải là Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền Hạnh chắc chắn chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có giới hạn, là một Thể với vạn pháp.

Đây là nói tới Pháp Thân. Pháp Thân là tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một, lấy vạn pháp làm tự thân, giống như nằm mộng: Mộng cảnh, [tức là] toàn thể cảnh giới trong mộng là một thân tướng. Chẳng phải là nói thân tướng của một thân, mà là tận hư không khắp pháp giới là chính mình, nó hiện thành tướng ấy, tướng ấy được gọi là Pháp Thân. Pháp Thân cũng chẳng có thân,

chẳng có thọ mạng, cũng vượt ngoài số lượng. Vì vậy, Pháp Thân bất sanh bất diệt.

Tiếp đó, sách viết: *“Tùy thuận thế gian, nhi luận tam thân”* (Do tùy thuận thế gian, nên luận định Tam Thân), đó là cách nói quyền xảo phương tiện trong Phật pháp. Mục đích của phương tiện quyền xảo là khiến cho chúng ta ngộ nhập cảnh giới chân thật. Do vậy, ngàn vạn phần chớ nên chấp trước hết thảy các phương tiện do đức Phật đã nói. Nếu chấp trước, quý vị chẳng thể ngộ nhập, điều này vô cùng quan trọng! Do tùy thuận thế gian mà luận định ba thân. *“Diệc tùy thuận thế gian, nhi luận tam thọ”* (Cũng do tùy thuận thế giới mà luận ba thứ thọ lượng). *“Tam thọ”* là Pháp Thân thọ, Báo Thân thọ, và Ứng Hóa Thân thọ. *“Diệc tùy thuận thế gian, nhi luận tam lượng”* (Cũng tùy thuận thế gian mà luận tam lượng). Có thể thấy đức Phật nói đến thân, thọ mạng và số lượng đều vì tùy thuận người thế gian mà nói. Trong tri kiến của Phật, chắc chắn chẳng có những điều ấy. Tâm Phật thanh tịnh chẳng lập một pháp. Quý vị đọc Đản Kinh thấy pháp sư Ấn Tông lúc mới gặp Lục Tổ, bèn hướng về Lục Tổ thỉnh giáo chuyện ngài Hoàng Mai, Hoàng Mai là Ngũ Tổ. [Sur Ấn Tông hỏi]: “Bình thường Ngũ Tổ có răn dạy người khác về Bát Nhã và Giải Thoát hay không? Ngài giảng Bát Nhã và Giải Thoát theo cách nào?” Lục Tổ trả lời vô cùng khéo léo: *“Bát Nhã và Giải Thoát là hai pháp. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp môn Bát Nhị”*. Chẳng nói với Sur rằng Tổ (Ngũ Tổ) đã giảng Bát Nhã là gì, Giải Thoát là gì, một câu nói ấy liền chặn lập sặc [mọi tri kiến, đối đãi]. Có nghĩa là quý vị vẫn còn ở trong Phật pháp mà chấp trước và so đo những danh tướng ấy, sai mất rồi, phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên! Tâm duyên là gì? Khởi tâm động niệm nơi danh tướng của Phật; đó là tướng “tâm duyên”. Quý vị thấy đều lìa khỏi những thứ ấy, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó là Phật pháp. Phật pháp là tâm thanh tịnh; trong Phật pháp, thứ gì cũng đều chẳng có, đó là Phật pháp.

Nhưng chư vị phải nghe cho rõ ràng! Nếu quý vị nghe nói “Phật pháp thứ gì cũng đều chẳng có”, [bèn tâm niệm]: “Được lắm! Ý niệm gì cũng đều đoạn sạch”, bèn biến thành Vô Tướng Định. Quý vị tu thành tựu, nhưng cũng chẳng thành Phật, mà sanh làm chư thiên trong Tứ Thiên Thiên hoặc Vô Tướng Thiên; khi thọ mạng đã hết, vẫn phải đọa trong tam ác đạo. Vì sao Vô Tướng cũng chẳng phải là Phật pháp? Chư vị hãy suy nghĩ, trong tâm thanh tịnh có vô tướng, tức là vẫn có một cái Vô tồn tại, cho nên Vô Tướng cũng chẳng thể có. Có vô tướng thì đối lập của nó là hữu tướng, nên vẫn là hai pháp. Pháp Bát Nhị là gì? Pháp Bát Nhị là trong tâm xác thực chớ nên có Tướng, mà Vô Tướng cũng chẳng nên có. Từ hữu tướng và vô tướng lại biến thành *“cũng có hữu tướng, cũng có vô tướng”*. *“Cũng có hữu tướng và cũng có vô tướng”* cũng là trật, *“chẳng phải là hữu tướng, chẳng phải là vô tướng”* cũng là trật. Đúng là *“mở miệng liền trật, động niệm liền sai”*, hãy từ những chỗ này mà thấu hiểu. Vì lẽ đó, đức Phật nói chớ nên chấp trước hết thảy các pháp; hễ quý vị chấp trước bèn sai, đó là nẩy sanh tác dụng phụ đáng sợ nhất.

Tiếp theo là “*Pháp Thân giả, sư quỹ Pháp Tánh, hoàn dĩ Pháp Tánh vi thân*” (Pháp Thân là tuân thủ, vâng theo Pháp Tánh, lại còn lấy Pháp Tánh làm thân). Câu này nói hết sức hay. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là Pháp Tánh, Pháp Tánh là Lý Thể, tức là nguyên lý có thể biến ra vạn pháp. Hiện thời, các nhà khoa học, triết học đều đang thăm dò vũ trụ từ đâu mà có? Sinh vật do đâu mà có? Con người do đâu mà có? Những câu hỏi ấy chẳng sai, có câu trả lời hay không? Thưa cùng chư vị, vĩnh viễn chẳng có câu trả lời! Từ xưa đến nay, các nhà khoa học, triết gia, kể cả các nhà tôn giáo xưa, nay, trong, ngoài nước mãi cho đến hiện thời đều chẳng tìm được câu trả lời. Câu trả lời rất nhiều, học thuyết cũng lắm, nhưng đều chẳng thể khiến cho kẻ khác tâm phục khẩu phục. Câu trả lời thật sự nằm trong Đại Thừa Phật pháp, tức là Pháp Tánh. Vì sao họ chẳng tìm thấy câu trả lời? Họ dùng đầu óc để suy nghĩ, khảo cứu. Suy nghĩ, khảo cứu là rớt vào tâm ý thức, là suy tưởng loạn xạ; vọng tưởng thì làm sao có thể tìm được câu trả lời? Chẳng thể nào! Khi nào câu trả lời sẽ hiện tiền? Đoạn hết vọng tưởng, câu trả lời bèn liền hiện tiền, thấy đều hiểu rõ. Vì thế, Phật pháp sử dụng phương pháp khiến cho quý vị đoạn hết suy xét.

Nhưng căn tánh của người thế gian không giống nhau, có người chẳng thích suy xét, sợ suy nghĩ sẽ đau đầu nhức óc. Đối với loại chúng sanh này, đức Phật dạy họ tu Thiền. Thiền chẳng dùng suy xét. Có người chuộng suy xét, thích suy xét thì đức Phật dạy họ học Duy Thức. Duy Thức dạy họ suy xét hằng ngày, đó lại là một phương pháp. Lý luận Duy Thức gọi điều đó là “*tư tận hoàn nguyên*” (suy nghĩ đến tột cùng sẽ trở về nguồn), họ sẽ quay đầu. Quay đầu bèn thấy chân tánh. Vì thế, chẳng suy tưởng có thể kiến tánh, mà khi suy tưởng đến tột cùng bèn quay đầu thì cũng có thể kiến tánh. Phương pháp của đức Phật rất xảo diệu, rất nhiều. Phương pháp Niệm Phật này cũng chẳng cần suy tưởng, cũng là chẳng dùng đến sự suy xét, có nguyên lý giống như Thiền và Mật, chỉ là phương pháp và cách thức khác nhau. Thiền nhất định là chẳng thể có thứ gì, còn Tịnh có A Di Đà Phật. Vì thế, Tịnh thuận tiện và dễ dàng hơn Thiền.

Ở đây nói “*sư quỹ Pháp Tánh*” (師軌法性), câu nói ấy có nghĩa là gì? Trong chú giải có giải thích, nơi trang năm mươi ba, trong câu cuối cùng thuộc dòng thứ ba: “*Ngôn sư quỹ Pháp Tánh*” (Nói “sư quỹ Pháp Tánh”), “*sư quỹ Pháp Tánh*” là gì? “*Thị xả Thông tòng Biệt. Thông tắc sanh Phật câu quỹ Pháp Tánh. Nhiên cứu giới tuy quỹ nhi vi, như nhân y sư, bất thuận sư giáo. Duy hữu chư Phật, tòng Sơ Phát Tâm quỹ pháp nhi tu, kim năng cứu cánh minh hợp Pháp Tánh*” (Là bỏ Thông theo Biệt. Thông thì chúng sanh và Phật đều noi theo Pháp Tánh; nhưng chín pháp giới tuy noi theo, vẫn trái nghịch, giống như người nương tựa thầy, nhưng chẳng tuân theo lời thầy dạy. Chỉ có chư Phật kể từ Sơ Phát Tâm đều tuân theo pháp đề tu, nên nay có thể rốt ráo ngầm phù hợp Pháp Tánh). Pháp Tánh là có thể hiện, có thể biến (năng hiện, năng biến). Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng nguồn gốc của vạn pháp trong vũ trụ: “*Duy tâm sở hiện*”, “tâm” ở đây là chân tâm; “*duy thức sở biến*”, “thức” là vọng tâm. Cảnh giới được hiện bởi chân tâm là cảnh giới bình đẳng, tức Nhất Chân pháp giới. Vì sao Nhất Chân pháp giới biến thành mười pháp giới? Do thức biến. Tuy thức biến Nhất Chân pháp

giới thành mười pháp giới, chư vị phải biết: Chẳng phải là thật sự bị biến, cái thật sự biến bèn trái nghịch bản tánh, tức là biến thành hư vọng, chẳng phải là chân thật. Tuy hư vọng, tức là nói “cảm nhận sai lầm”, nhưng sự cảm nhận sai lầm ấy trọn chẳng biến đổi sự thật, chỉ là sự thụ dụng khác hẳn. Ví như kinh đã nói “*chưng sa tác phạn*” (nấu cát làm cơm): Để nấu cơm, chúng ta dùng gạo, nhưng kẻ đó hiểu lầm, ngỡ cát có thể nấu thành cơm, đó là nhận biết sai lầm. Cát vẫn là cát, gạo vẫn là gạo, tuyệt đối chẳng phải vì quý vị nhận biết sai lầm mà cát biến thành gạo, chẳng có đạo lý ấy! Đây là nói rõ Nhất Chân pháp giới vĩnh viễn là Nhất Chân pháp giới, quý vị mong biến nó thành mười pháp giới, [điều ấy] trọn chẳng phải là sự thật. Sự thật, nó vẫn là Nhất Chân pháp giới; nhưng quý vị suy nghĩ sai lầm, nên thụ dụng cũng sai lầm, sự hưởng thụ cũng sai lầm, trong ấy có khổ và lạc khác biệt. Mười pháp giới có khổ và lạc khác biệt. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có khổ mà cũng chẳng có lạc, nên gọi là “lạc chân chánh”. Khổ là khổ, lạc vẫn là khổ, lạc trọn chẳng phải là lạc thật sự, tuy là lạc mà vẫn là khổ.

Vì lẽ đó, mười pháp giới thấy đều “*sur quy Pháp Tánh*” (vâng theo, tuân thủ Pháp Tánh), đều từ Chân Như bản tánh biến hiện. “*Quy*” là gì? Quy (軌) là có quy tắc, chẳng rối loạn. Người thế gian thấy vũ trụ có trật tự, có quy tắc như vậy, giống như các tinh cầu vận hành trong vũ trụ đều có một quỹ đạo nhất định. Người thế gian chẳng hiểu đạo lý ấy, bèn nghĩ: Nhất định phải có người an bài, có ai đó lập hoạch định, trừ tính! Người sắp đặt, trừ tính là ai? Đại khái là Thượng Đế! Thượng Đế do đâu mà có? Là kẻ được biến hiện từ tưởng tượng; do như vậy mà có. Có phải là do Thượng Đế trừ tính hay không? Tuyệt đối chẳng phải vậy, đó là nhận thức sai lầm, là hiểu lầm! Vì nó có trình tự nhất định, tuân theo trình tự chẳng sai chút nào, có thứ lớp, chẳng lộn xộn, nên gọi là Quy. “*Quy*” là quỹ đạo, chẳng rối loạn, do Pháp Tánh biến hiện. Chúng sanh trong chín pháp giới tuy “*sur quy Pháp Tánh*”, nhưng mê muội, nên nay chúng ta chẳng noi theo họ, mà noi theo Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát “*sur quy Pháp Tánh*”, đã ngộ, chẳng mê, nên Tha Thụ Dụng của các Ngài hoàn toàn khác hẳn phàm phu. Chúng ta tạm ngưng, nghỉ ngơi mấy phút.